

 https://halalghc.com	Tên biểu mẫu / <i>Form Name</i>	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL / APPLICATION FOR HALAL CERTIFICATION
	Mã biểu mẫu / <i>Form No.:</i> F01-PRO.09	Hiệu lực / <i>Effective date:</i> 11/11/2023

Để đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn công nhận cho Tổ chức chứng nhận Halal được Việt Nam và các nước Hồi giáo, các thị trường nhập khẩu yêu cầu, cũng như đảm bảo đầy đủ các thông tin, tài liệu hồ sơ đầu vào cho quá trình xem xét đăng ký chứng nhận Halal cũng như xem xét, thương thảo hợp đồng sau này, GHC đề nghị **Quý doanh nghiệp/ Quý tổ chức** kê khai, điền các thông tin dưới đây:
*/ In order to meet the requirements of the Accreditation Standards for Halal Certification Organizations required by Vietnam and Muslim countries, import markets, as well as to ensure full information, input documents for the Halal certification registration review process as well as future contract review and negotiation, GHC requests that **Enterprises/Organizations** declare and fill in the information below:*

I. QUY ĐỊNH CHUNG / **GENERAL RULES**

Ghi chú quan trọng / *Important notes:*

1.1. Tất cả các dữ liệu được yêu cầu điền vào dưới đây là yêu cầu bắt buộc và được công khai trên hệ thống dữ liệu (Database) của GHC. Nếu cần hỗ trợ trong quá trình điền thông tin, vui lòng liên hệ với **GHC** để được hỗ trợ/ *All data required to be filled in below is mandatory and is publicly available on the GHC Database.. Please provide all information requested. If you need assistance in filling in the form, please contact **GHC** for support.*

1.2. Khách hàng đăng ký chứng nhận phải có trách nhiệm thấu hiểu các quy định chung về chứng nhận Halal của GHC và các quy định liên quan có tại website: <https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai> / *Customers applying for certification are responsible for understanding the general regulations on GHC Halal certification and related regulations available on the website: <https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai>*

1.3. Khách hàng phải ký “Hợp đồng chứng nhận” và gửi đồng thời về GHC cùng với bản đăng ký này. Việc ký “Hợp đồng chứng nhận” được hiểu rằng: Khách hàng đã thấu hiểu và đồng ý với các quy định của GHC / *The Customer must sign the “Sublicense and Certification Agreement” and send it to GHC together with this application. Once signed the “Sublicense and Certification Agreement” means: You are understood and agreed with the Regulations of GHC.*

1.4. Các khoản phí phải được hoàn thành trước khi hoạt động đánh giá được tiến hành. Để biết thêm thông tin về các loại phí chứng nhận, phí đăng ký chứng nhận, cách tính phí vui lòng truy cập website: <https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai> hoặc gửi yêu cầu tới địa chỉ e-mail: certify@halalghc.com / *All fees along with this application must be paid before conducting audit activities. For more information about application fees, registration fees, certification fees and fee calculation please visit <https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai> or send a request to e-mail: certify@halalghc.com*

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN / **CERTIFICATE REGISTRATION INFORMATION**

2.1. Thông tin về tổ chức đăng ký chứng nhận Halal / **Information about halal certification registration organizations**

1. Tên tổ chức đăng ký chứng nhận/ <i>Name of Applicant:</i>	Tên tiếng Việt/ <i>in Vietnamese:</i> Tên tiếng Anh/ <i>in English:</i>
2. Địa chỉ trụ sở (theo đăng ký kinh doanh) / <i>Address of Head Office:</i>	Địa chỉ tiếng Việt/ <i>in Vietnamese:</i> Địa chỉ tiếng Anh/ <i>in English:</i>

 https://halalghc.com	Tên biểu mẫu / <i>Form Name</i>	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL / APPLICATION FOR HALAL CERTIFICATION
	Mã biểu mẫu / <i>Form No.:</i> F01-PRO.09	Hiệu lực / <i>Effective date:</i> 11/11/2023

3. Mã số thuế/ <i>VAT number:</i>	
4. Địa điểm đánh giá (địa điểm sản xuất/địa điểm cung cấp dịch vụ)/ <i>Site(s) to be audited (manufacturing location/service delivery location):</i>	Địa điểm 1 / <i>Site 1:</i> Địa điểm 2 / <i>Site 2:</i>
6. Thông tin liên hệ của tổ chức / <i>Organization contact information</i>	Thư điện tử/ <i>E-mail:</i> Điện thoại/ <i>Phone:</i> Mobile/zalo: ; Fax:.....
7. Người liên hệ/ <i>Contact Person</i> (là người có trách nhiệm liên quan tới Hệ thống đảm bảo Halal thường là quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật/ quản lý chất lượng)	Họ và tên/ <i>Full name:</i>; Chức vụ/ <i>Role:</i> Điện thoại/ <i>Mobile:</i>; Thư điện tử/ <i>E-mail:</i>
8. Tình trạng sở hữu / <i>Legal ownership status</i>	☐ Đơn thành viên/ <i>Individual</i> ☐ Đa thành viên/ <i>Multi-ownership</i> Số lượng thành viên:/ <i>number of registered members:</i> Tên và địa chỉ của công ty mẹ (nếu có)/ <i>Name and address of Holding company*:</i> <i>* If the applying company is a part of a holding company</i>

2.2. Thông tin đăng ký chứng nhận Halal chi tiết / *Detailed halal certification registration information*

1. Chương trình chứng nhận và Tiêu chuẩn halal đăng ký/ <i>Scheme of Halal Certification and registration halal standards</i>	☐ Halal GCC (GSO 2055-1:2015) ☐ Halal Malaysia - JAKIM (MS 1500:2019) ☐ Halal Indonesia (HAS 23000:1 (2012), ☐ Halal Việt Nam (TCVN 12944:2020) ☐
2. Type of Business / <i>Loại hình Kinh doanh</i>	☐ Thương mại / <i>Trading</i> ☐ Sản xuất / <i>Manufacturing</i> ☐ Cả sản xuất và kinh doanh / <i>Both (Manufacturing & Trading)</i> ☐ Cung cấp dịch vụ / <i>Service provision</i>
3. Thị trường dự định bán, xuất khẩu sản phẩm Halal / <i>Countries where the halal products are intended to be traded:</i>	



<https://halalghc.com>

Tên biểu mẫu
/Form Name

ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL /
APPLICATION FOR HALAL CERTIFICATION

Mã biểu mẫu/Form No.:
F01-PRO.09

Hiệu lực / Effective date:
11/11/2023

4. Loại hình chứng nhận/Type of Certification:	☐ Chứng nhận lần đầu/Initial Certification ☐ Đánh giá chứng nhận mở rộng / Extended Certification ☐ Tái chứng nhận/Re-Certification ☐ Chứng nhận chuyển đổi/Transferring Certification			
5. Hệ Thống Quản lý đang áp dụng / Management System has been applied	☐ ISO 22000 ☐ HACCP / GMP ☐ ISO 9001 ☐ Tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác, cụ thể: / Other management system standards, specific:			
6. Số nhân viên liên quan tới dây chuyền sản xuất sản phẩm Halal / Number of employees involved in the Halal product production line				
7. Thông tin chi tiết các sản phẩm hoặc dịch vụ đăng ký chứng nhận Halal / Details of products or services for halal certification registration.				
7.1. Lĩnh vực/nhóm lĩnh vực/cụm lĩnh vực/nhóm sản phẩm, cụm sản phẩm đăng ký chứng nhận / Field/field group/field cluster/Product cluster registered for certification:				
7.2. Thông tin chi tiết của sản phẩm (Đối với trường hợp đăng ký chứng nhận sản phẩm Halal) / Product details (For Halal product certification registration):				
TT / No	Tên sản phẩm / Product name	Nhãn hiệu/ Thương hiệu / Trademark/Brand	Thị trường xuất khẩu hướng tới / Export market to target	Liệt kê toàn bộ thành phần nguyên liệu/phụ gia/hương liệu dùng trong sản xuất và cấu thành lên sản phẩm (*) / List all ingredients/additives/flavorings used in production and composition of the product (*).
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				

(*) Kê khai thông tin chi tiết nguyên liệu/phụ gia/hóa chất/hương liệu sử dụng trong sản xuất và cấu thành lên sản phẩm, bao gồm cả các hóa chất, chất tẩy rửa dùng trong nhà máy và trên dây chuyền sản xuất (theo mẫu tại Phụ lục của Đăng ký này hoặc theo Danh sách kê khai của doanh nghiệp nhưng cần đầy đủ các thông tin yêu cầu theo Phụ lục 1 của Đăng ký này) /

(*) Declare detailed information on raw materials/additives/chemicals/flavorings used in production and composition of the product, including chemicals and detergents used in the factory and on the production line (according to the form in the Appendix of this Application or according to the List of declarations of the enterprise but must fully contain the information required in

 https://halalghc.com	Tên biểu mẫu <i>/Form Name</i>	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL / APPLICATION FOR HALAL CERTIFICATION
	Mã biểu mẫu/ <i>Form No.:</i> F01-PRO.09	Hiệu lực / <i>Effective date:</i> 11/11/2023

Appendix 1 of this Application)

2.3. Các hồ sơ, tài liệu cần gửi kèm theo đăng ký chứng nhận Halal / Documents, records required to be submitted with Halal certification application

Bản photocopy/bản chụp/bản scan/bản điện tử Giấy đăng ký kinh doanh / <i>Photocopy/printed copy/scanned copy/electronic copy of Business Registration</i>	☐
Bản photocopy/bản chụp/bản scan/bản điện tử của Tiêu chuẩn của sản phẩm hoặc Bản thông tin/thông số kỹ thuật của sản phẩm hoặc Catalog giới thiệu sản phẩm và hình ảnh nhãn sản phẩm hiện hàng đang có / <i>Printed copy/photocopy/scanned copy/electronic copy of the Product Standard or Product Information/Specification Sheet or Product Catalogue and image of the product label currently available</i>	☐
Bản photocopy/bản chụp/bản scan/bản điện tử của Sơ đồ tổ chức các phòng ban trong doanh nghiệp hoặc tài liệu mô tả về vai trò, trách nhiệm quyền hạn của các phòng ban. / <i>Printed copy/photocopy/scanned copy/electronic copy of the Organizational Chart of the departments in the enterprise or documents describing the roles, responsibilities and authorities of the departments.</i>	☐
Bản photocopy/bản chụp/bản scan/ bản điện tử của Lưu đồ sản xuất hoặc Quy trình sản xuất hoặc Quy trình kiểm soát chất lượng hoặc Kế hoạch đảm bảo Halal/ Kế hoạch đảm bảo chất lượng / <i>Printed copy/photocopy/scanned copy/electronic copy of Production Flowchart or Production Process or Quality Control Procedure or Halal Assurance Plan/Quality Assurance Plan</i>	☐
Bản photocopy/bản chụp/bản scan/ bản điện tử chứng chỉ hệ thống quản lý được chứng nhận (nếu có) / <i>Printed copy/photocopy/scanned copy/electronic copy of certified management system certificate (if any)</i>	☐
- Trường hợp địa điểm sản xuất, cung cấp dịch vụ khác địa điểm được nêu trên Đăng ký kinh doanh, đính kèm thêm Hồ sơ chứng minh mối liên hệ giữa tổ chức đăng ký chứng nhận và địa điểm sản xuất (Ví dụ Hợp đồng thuê gia công, Hợp đồng thuê đất/thuê nhà,) / <i>In case the manufacturing or service delivery location is different from the location stated in the Business Registration, attach additional documents proving the relationship between the organization registering for certification and the manufacturing location (For example, Processing contract, Land/house lease contract,)</i>	☐

Ghi chú: Các tài liệu nêu trên có thể gửi qua email/Zalo hoặc gửi chuyển phát kèm cùng hợp đồng và đăng ký chứng nhận. / **Note:** The above documents can be sent via email/Zalo or sent by courier with the contract and certificate application.

III. ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT CHUNG / GENERAL TERMS OF COMMITMENT

1. Bằng việc ký vào văn bản này, tôi đồng ý rằng GHC sẽ được quyền sử dụng những thông tin này./*By signing this document I agree that GHC will treat information as described below.*
 Tôi, người đại diện có thẩm quyền, có tư cách pháp nhân của tổ chức, cam kết rằng, bằng sự hiểu biết và tự nguyện đồng thuận với các yêu cầu ở trên và các quy định được công khai trên website: <https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai>. Tôi hiểu rằng mọi hành vi cố ý làm sai có thể bị đình chỉ/thu hồi chứng nhận. Tôi cung cam đoan tính đúng đắn của những thông tin đã khai bên trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chúng và đảm bảo mọi điều kiện để tổ chức chứng nhận thực hiện việc đánh giá chứng nhận theo các qui định hiện hành./*I, the authorized representative, with legal status of the organization, commit that, by understanding and voluntarily agreeing with the above*

 https://halalghc.com	Tên biểu mẫu / <i>Form Name</i>	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL / <i>APPLICATION FOR HALAL CERTIFICATION</i>	
	Mã biểu mẫu / <i>Form No.:</i> F01-PRO.09	Hiệu lực / <i>Effective date:</i> 11/11/2023	

General Requirements and the regulations published on the website: <https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai>. I also guarantee the accuracy of the information declared above and take full responsibility for it and ensure all conditions for the certification organization to conduct the certification auditing according to current regulations.

Ngày / *Date* Tháng / *Month* Năm / *Year*

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC/ *AUTHORISED REPRESENTATIVE*
 (Ký tên và đóng dấu / *Signed and sealed*)

Ghi chú:

1. Để đăng ký chứng nhận Halal với GHC, vui lòng điền đầy đủ thông tin vào biểu mẫu này, ký, đóng dấu và gửi về cho GHC theo địa chỉ: *To apply for GHC's Halal certification program, please fill out this form completely, then sign, seal and send this completed form to address:*

Công ty TNHH Chứng nhận Halal Toàn cầu GHC / **GHC Global Halal Certification Co., Ltd.**

Địa chỉ / Address: Số 2B3, Đường số 22, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh / *No. 2B3, Street No. 22, Quarter 4, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.*

Điện thoại: +84.97.628.3553 **Email:** certify@halalghc.com

Hoặc điền thông tin, ký, đóng dấu, quét ảnh (scan) rồi gửi về cho GHC theo địa chỉ email: certify@halalghc.com / *Or fill out this form completely, then sign, seal, scan and send the scanned document to: certify@halalghc.com .*

2. Vui lòng giữ lại một bản sao của Đăng ký chứng nhận này để lưu hồ sơ cho hoạt động chứng nhận/ *Please keep a copy of this completed form for your records.*

 https://halalghc.com	Tên biểu mẫu / <i>Form Name</i>	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL / APPLICATION FOR HALAL CERTIFICATION	
	Mã biểu mẫu / <i>Form No.:</i> F01-PRO.09	Hiệu lực / <i>Effective date:</i> 11/11/2023	

III. PHẦN DÀNH RIÊNG CHO GHC XEM XÉT ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL / SECTION FOR GHC TO REVIEWER HALAL CERTIFICATION APPLICATIONS:

3.1. Thông tin người xem xét đăng ký/ *Registration reviewer information*

Người có thẩm quyền / <i>Authorized person</i>	Tên / <i>Name</i>	Chức vụ/ <i>Title</i>	Ký/ <i>Signature</i>	Ngày/ <i>Date</i>
Người xem xét/ <i>Reviewed by:</i>				
Chuyên gia xem xét (nếu cần)/ <i>Auditor review (if needed):</i>				
Phòng Điều phối chứng nhận/ <i>Controlled by Certification Coordination Dept:</i>				

3.2. Mức độ đầy đủ của thông tin/ *Does the information that producer provided enough for review?*

☐ Đủ/ *Yes*
☐ Không đủ/ *No*

(Chỉ xác nhận “Đủ” khi các thông tin đầy đủ, nếu không, ghi rõ chi tiết hồ sơ cần bổ sung vào dưới / Only confirm “Enough” when the information is complete, otherwise, specify the details of the application to be added below).

Cần bổ sung/ *Need additional information:*

.....

.....

.....

3.3. Cấp mã khách hàng của GHC/ *GHC’s client code:*



<https://halalghc.com>

Tên biểu mẫu
/Form Name

ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN HALAL / *APPLY FOR HALAL CERTIFICATION*

Mã biểu mẫu/*Form No.:*
F01-PRO.09

Hiệu lực / *Effective date:*
11/11/2023

DANH SÁCH NGUYÊN LIỆU, PHỤ GIA, HƯƠNG LIỆU VÀ HÓA CHẤT / *LIST OF RAW MATERIALS, ADDITIVES, FLAVORS AND CHEMICALS*

TT	Tên trên bao bì hoặc trên nhãn mác / <i>Name on packaging or label</i>	Tên thương mại/tên khác / <i>Trade name/other name</i>	Đơn vị cung cấp/ <i>Suppliers</i>	Nhà sản xuất / <i>Manufacturers</i>	Số chứng chỉ Halal/ <i>Halal certificate number</i>	Đơn vị cấp chứng chỉ Halal/ <i>Halal Organization</i>	Hạn hiệu lực chứng chỉ/ <i>Valid Date</i>	Các hồ sơ khác / <i>Other Documents</i> (CA, CQ, CO, SPEC, chemical safety data sheet, ...)	Mục đích sử dụng và ghi chú khác/ <i>Intended use and other notes</i>
I	Các loại dùng cho sản phẩm đăng ký chứng nhận Halal/ <i>Types used for products registered for Halal certification</i>								
1.									
2.									
3.									
II	Những loại dùng cho sản phẩm không đăng ký chứng nhận Halal nhưng được sử dụng trên cùng dây chuyền (sử dụng chung thiết bị) với sản phẩm Halal / <i>Types used for products that are not registered for Halal certification but are used on the same production line (using the same equipment) as Halal products</i>								
1.									
2.									
3.									

....., ngày / *date* tháng / *month* năm / *year* 20....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY (Ký tên và đóng dấu) /
AUTHORISED REPRESENTATIVE (Signed and sealed)